

TƯ LIỆU

VIỆT NAM QUỐC VƯƠNG NGUYỄN PHÚC ÁNH
KHIẾN SỬ NHẬP CÔNG THANH ĐÌNH KHẢO^(*)

Nguyên tác: Trang Cát Phát

Người dịch: Nguyễn Duy Chính

LỜI NGƯỜI DỊCH

Cuối thế kỷ XVIII, sau khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc Hà, nhân cơ hội nhà Lê đánh tiếng yêu cầu, nhà Thanh đem quân sang đưa vua Chiêu Thống lên ngôi, tái lập vương triều nhà Lê.

Việc can thiệp vào nước nhỏ trên danh nghĩa là để duy trì vai trò tông chủ - phiên thuộc nhưng sâu xa hơn là để “rửa mặt” khi nhà Thanh nhiều lần đem quân sang đánh Miến Điện nhưng không thành công, nay muốn tạo một chiến tích mới để làm quà cho Đại lễ Khánh thọ mừng vua Càn Long 80 tuổi.

Việc bé xé ra to, Thanh triều tiếp tục phải xây dựng những quan hệ mật thiết hơn với triều đại mới dựng ở nước ta nhằm chứng minh rằng nỗ lực của họ có lý do chính đáng. Chính vì thế, bất cứ động thái nào đều có thể nhìn từ hai mặt mà triều đình Trung Hoa coi như sự có đi có lại, mặc dù vị thế thiên triều mỗi lúc một suy giảm khi những tiến bộ chính trị lẫn khoa học, tạo nên một trật tự mới trên thế giới.

Trong khi triều đình Trung Hoa tự ru ngủ bằng hình thức, lễ nghi thì ngược lại, tình hình phương Nam mỗi lúc một thêm phức tạp. Tuy vua Quang Trung nổi lên như một tiểu bá trong khu vực một thời gian ngắn nhưng cũng còn nhiều vấn đề nội bộ phải giải quyết, nhất là những thế lực bên ngoài mỗi lúc một thêm đe dọa. Ngay khi ông còn tại thế, những áp lực đã bắt đầu hiển hiện khi đoàn thuyền được trang bị và tổ chức theo lối Tây phương của chúa Nguyễn tiến ra đốt sạch lực lượng thủy quân của Nguyễn Nhạc ở Thị Nại khiến Nguyễn Huệ phải vội vàng tính lại kế hoạch bành trướng, từ bỏ mục tiêu lấn qua phương Tây mà chuyển mục tiêu xuống phương Nam.

Khi Nguyễn Huệ qua đời, triều đình Tây Sơn rơi vào thế bất ổn vì nội bộ xâu xé lẫn nhau, tạo cơ hội cho chúa Nguyễn củng cố thực lực và quan trọng hơn, đánh giá chính xác sức mạnh của đối phương để tìm phương thức chế thắng. Nhân cơ hội Nguyễn Nhạc lâm nguy đưa thư cầu cứu, vua Cảnh Thịnh chiếm luôn phần đất người bác đang cai quản, tuy thống nhất được thành một mối nhưng cũng khiến cho lực lượng Tây Sơn nay căng ra trên một diện địa dài và hẹp, khó phòng thủ, thiếu cơ hội tấn công.

Cuộc chiến mỗi lúc một thiếu cân đối, một bên vươn dài sức mạnh kỹ thuật và canh tân, một bên thụ động chỉ còn lo giữ đất chứ không thể mở ra một mặt trận trên đất địch, cũng không được chọn lối đánh sở trường là tập trung nhanh, tấn công nhanh bằng lực lượng áp đảo như Nguyễn Huệ đã từng làm.

* Nguồn: Trang Cát Phát (莊吉發), 越南國王阮福映遣使入貢清廷考, Thanh sử luận tập (清史論集), Văn Sử Triết xuất bản xã, Trung Hoa Dân quốc năm thứ 87 (1998), Tập 3, trang 235-260.

Về phần nhà Thanh, từ năm 1789 tình hình bang giao đã có nhiều cải thiện, nhưng ngay từ khi Nguyễn Huệ còn sống, vua Càn Long cũng chỉ yểm trợ trên hình thức, thực tế không tạo được một liên minh quân sự nào ngoài việc giao cho triều đình Tây Sơn việc giữ yên mặt biển mà thực tế là đẩy các toán cướp biển xuống hoạt động trong vùng Biển Đông của nước ta.

Sau khi vua Càn Long qua đời, vua Gia Khánh gần như chấm dứt mọi liên hệ ngoại giao, giữ chính sách không can thiệp vào thuộc quốc để quay về giải quyết những bất ổn nội bộ đang bộc phát. Nhiều vụ nổi dậy trên quy mô lớn từ nam chí bắc trở thành quan tâm hàng đầu của Thanh triều.

Vào những năm sau cùng của cuộc nội chiến Tây Sơn - Nguyễn, tình hình giao thiệp Thanh - Tây Sơn càng lúc càng xấu đi khi vua Gia Khánh thống tay mặc cho “*Man Xúc tự tranh*” (蠻觸自爭)^(*) vừa đứng ngoài mọi tranh chấp, vừa tìm cách khai thác tình hình.

Khi nhà Thanh bắt được một số cướp biển - vốn là tàn quân của Tây Sơn thua trận sợ tội chạy về trú ẩn ở biên hải Việt Hoa - họ liền đổi hẳn chính sách, trên giấy tờ là vì Nguyễn Quang Toản phản bội nhưng thực tế là chờ xem ai là kẻ thắng trận sẽ đưa tay cho họ nắm.

Không biết rằng nhà Thanh nay chỉ còn cái vỏ, Nguyễn Ánh lại quay về những bước của mọi triều đại cũ để xin phong vương và công nhận một quốc hiệu mới. Tuy bề ngoài nói rằng Nam Việt là tên cũ của nhà Triệu, bề trong nhà Thanh sợ nước ta thừa thế đánh lên các tỉnh Hoa Nam nên việc vua Gia Long thần phục, quả hợp với sở nguyện của Thanh triều. Trật tự cũ nay tái lập và ảnh hưởng của nhà Thanh tính ra còn nhiều hơn trước vì nước ta kéo dài đến tận vịnh Xiêm La, bỏ mất cái cơ hội tách khỏi hẳn Trung Hoa để thành một thể lực độc lập.

Tài liệu này được trích từ *Thanh sử luận tập*, tập 3 (1998) từ trang 235 đến trang 260 của Trang Cát Phát, một chuyên gia ở Đài Loan về đời Thanh. Tuy nhiên, như hầu hết các học giả Trung Hoa, dù ở đảo quốc hay lục địa thì đều nhìn lăng kính lịch sử theo cách thức chủ quan của họ. Ngoài một số dữ kiện sai lầm Trang Cát Phát cũng không đề cập đến những chi tiết mà nhà Thanh vẫn dùng để biện giải cho thay đổi, luôn luôn nêu cao đạo lý làm phương châm nhưng thực sự không hoàn toàn đúng như vậy. Việc từ bỏ nhà Lê, công nhận Tây Sơn hay sau này từ bỏ Tây Sơn, công nhận nhà Nguyễn thực chất cũng đều là vì quyền lợi, những chiêu bài bên ngoài chỉ để che đậy dã tâm.

Tài liệu này có nhiều chi tiết chưa xuất hiện trong sử Việt nên dẫu có những đề cập không chính xác nhưng nói chung ít nhiều giúp chúng ta biết thêm những góc khác của sự việc. Giao thiệp với Trung Hoa là một vấn đề lớn vì đối phương luôn luôn tìm cách nắm lấy thế chủ động và tạo ra một màn khói mờ mịt để chúng ta không đoán định được họ thực sự muốn gì. Trên cương vị nước lớn, Trung Hoa thường dùng thời gian như một vũ khí để đối phương phải nóng ruột mà lụy họ. Chúng tôi chỉ dịch theo nguyên văn nên quan điểm của tác giả không nhất thiết trùng khớp với suy nghĩ của người dịch.

* Thành ngữ từ sách Trang Tử, thiên Tắc dương. Man là tiểu quốc ở sừng [râu] bên phải con ốc sên, Xúc là nước ở sừng [râu] bên trái con ốc sên, hai nước tranh chấp đánh nhau chết hàng vạn. Ý nói chỉ là việc nhỏ nhất của tiểu quốc.

Bản dịch**KHẢO VỀ QUỐC VƯƠNG VIỆT NAM NGUYỄN PHÚC ÁNH
SAI SỬ TRIỀU CÔNG THANH ĐÌNH****LỜI NÓI ĐẦU**

An Nam và Trung Quốc lãnh thổ liền nhau, hai nước có liên quan đã từ rất lâu. Trên phương diện địa lý, hai bên ở cùng một đại lục, về phương diện văn hóa, hai bên có cùng một nguồn gốc. Từ khi bị xâm chiếm dưới đời Tần Hán, An Nam bị đặt thành quận huyện để cai trị kéo dài đến hơn 1.000 năm. Suốt thời gian đó, nhờ các quan lại tại địa phương tích cực dẫn dắt, văn hóa được phổ cập mỗi ngày một tăng ở An Nam, không khác gì với nội địa.

Cuối đời Đường thời Ngũ Đại, vì trong ngoài loạn lạc liên miên khiến cho Trung Quốc cai trị ở An Nam bị lung lay, từ đó An Nam thoát ly Trung Quốc để đứng riêng. Trải qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn, Nguyễn tổng cộng khoảng 900 năm, từ quận huyện nội địa nay trở thành phiên thuộc. Trên mặt đối nội An Nam là một chính quyền độc lập, thiên triều không quan tâm đến nội chính của thuộc quốc, nhưng những triều đại quân chủ tiếp tục đi theo đường lối văn minh, giáo dục của Trung Quốc nên vẫn còn dư hưởng. Triều đình kiến tạo văn miếu, tổ chức thi cử chọn người có học, dùng Hán tự, tuân theo chính sách [lịch Trung Hoa tỏ ý thần phục] và nương theo chế độ chính trị phương Bắc nên An Nam đã trở thành một phân chi của văn hóa Nho gia.

Sau khi người Mãn Châu nhập quan, An Nam vẫn tiếp tục duy trì quan hệ tông chủ - phiên thuộc với Thanh đình, dưới quyền quản hạt của Bộ Lễ, chăm chỉ lo việc triều cống. Vua mới lên kế vị đều phải được triều đình nhà Thanh tích phong như thế mới có địa vị hợp pháp. Những năm cuối của triều đại Thanh Cao Tông (Càn Long), Họ Nguyễn Tây Sơn nổi lên lật đổ triều Lê nhưng chưa hoàn toàn tiêu diệt được thế lực họ Nguyễn ở Quảng Nam. Đầu đời Thanh Nhân Tông Gia Khánh, Nguyễn Phúc Ánh mượn sức từ bên ngoài khôi phục được đất đai cũ, thống nhất An Nam nên Thanh đình sách phong Nguyễn Phúc Ánh làm Việt Nam quốc vương, kiến lập trở lại quan hệ Trung Hoa - Việt Nam.

Nghiên cứu này dựa theo tài liệu trong cung (Cung trung đáng, Thượng dụ đáng, An Nam đáng) hai triều Càn Long, Gia Khánh để xem việc thay đổi chính quyền [ở An Nam] trong những năm sau cùng đời Thanh Cao Tông (Càn Long), sự lên xuống của hai thế lực Tân và Cựu Nguyễn,⁽¹⁾ nguyên nhân tại sao thái độ của Thanh triều lại thay đổi và ý nghĩa của việc Thanh Nhân Tông (Gia Khánh) đổi thành tên Việt Nam.

TÂN NGUYỄN NỔI LÊN VÀ VIỆC CỨU NGUYỄN MẤT NƯỚC

Họ Nguyễn ở Quảng Nam thuộc An Nam, các sử gia gọi là Cựu Nguyễn còn họ Nguyễn Tây Sơn gọi là Tân Nguyễn. Trước đây họ Nguyễn và họ Trịnh, cả hai họ cùng làm quan với triều Lê, đến đời Lê Trung Tông (1548-1556), Nguyễn Hoàng vì có công đánh trận nên được phong làm quận vương, uy danh mỗi ngày một lớn khiến cho Trịnh Kiểm lo ngại. Nguyễn Hoàng xin được đi trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Kiểm thấy đây là vùng đất xa xôi cách trở nên bằng lòng.

Nguyễn Hoàng từ khi vào ở đất Thuận Hóa, vỗ về thương yêu dân chúng, lòng người ai nấy đều vui vẻ kính phục. Tháng Giêng năm Minh Mục Tông Long Khánh 4, tức năm Lê Anh Tông Chính Trị thứ 3 (1570), vua Lê phong cho Nguyễn Hoàng làm Tổng trấn kiêm cả hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam. Năm Minh Thần Tông Vạn Lịch nguyên niên, tức Lê Thế Tông Gia Thái nguyên niên (1573), vua Lê nhân việc Nguyễn Hoàng có công nhiều lần đánh dẹp họ Mạc nên ban thêm cho tước vương thế tập. Năm Vạn Lịch 39, tức Lê Kính Tông Hoằng Định thứ 12 (1611), Nguyễn Hoàng lấy đất Chiêm Thành, đặt ra phủ Phú Yên.⁽²⁾

Từ khi Nguyễn Hoàng lui về ở đất Quảng Nam, tuy vẫn trị không bằng được họ Trịnh nhưng phương diện võ công thì cũng có chỗ nổi trội. Họ Nguyễn lợi dụng điều kiện ưu việt về địa lý, một mặt chống lại áp lực của họ Trịnh ở phương Bắc, một mặt tích cực mở rộng về phía nam nên phương Nam dần dần trở thành trù phú.

Sau khi Mãn Châu nhập quan, vua Lê lại nhận chính sóc của Thanh đình, chiếu theo lệ tiến cống 3 năm một lần, 6 năm gộp hai lần làm một, sai sứ theo đường Quảng Tây tiến quan triều cống, còn triều đình nhà Thanh cũng công nhận tính hợp pháp của vua Lê ở An Nam. Thế nhưng nội bộ An Nam chia rẽ, nhiều lần dấy binh đánh nhau, họ Mạc bị đuổi chạy đến Cao Bình (Bắc) ở biên giới Trung Quốc, Lê triều bị họ Trịnh chuyên quyền, ngôi vua nay chỉ còn hư vị.

Họ Nguyễn ở Quảng Nam cai trị phương Nam gọi là Quảng Nam vương, dung nạp những binh lính dân chúng còn trung với nhà Minh nhận họ đến Quảng Nam khai khẩn những vùng đất hoang, giúp cho họ Nguyễn bành trướng ra bên ngoài nên quốc thế mỗi lúc một tăng, nghiêm nhiên nay trở thành một nước độc lập.⁽³⁾

Đến khi ở đất Tây Sơn có anh em Nguyễn Văn Nhạc, Văn Huệ, Văn Lữ, vốn gốc người huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An, nhiều đời ở đất Tuy Viễn, Hoài Nhơn. Năm đầu đời Thanh Cao Tông Càn Long, Nguyễn Văn Nhạc từng làm Tuần lại ở Vân Đồn, nhân vì đánh bạc nên tiêu lạm vào tiền quan, mới trốn đến ở tại đất Tây Sơn. Nguyễn Văn Nhạc ở Tây Sơn chiêu tụ dân chúng đánh thành chiếm đất, quan địa phương không dám hỏi đến. Bọn Nguyễn Văn Nhạc tuy rất hung hãn

nhưng cũng hơi có chút mưu mô, thổ hào các nơi nghe tiếng đều đi theo, thế lực thịnh lên rồi mới xưng là Tân Nguyễn để phân biệt với Cựu Nguyễn ở Quảng Nam, nhân vì nổi lên ở đất Tây Sơn nên còn gọi là Nguyễn Tây Sơn.

Năm Thanh Cao Tông Càn Long thứ 9, tức Lê Cảnh Hưng thứ 5 (1744), ở Quảng Nam, Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi vương ở Phú Xuân [sau là Thuận Hóa], tuy vẫn dùng niên hiệu nhà Lê nhưng tự đúc tiền tệ gọi là Thiên Minh thông bảo, lại xây cất cung điện, ngoài thành đường phố san sát, thuyền buôn ra vào không ngớt, Phú Xuân trở thành một nơi đô hội lớn.

Tháng Năm Cảnh Hưng 26 (1765), Nguyễn Phúc Khoát từ trần, thế tử là Nguyễn Phúc Hạo cũng chết sớm, cháu là Nguyễn Phúc Dương (阮福暘) còn nhỏ nên quyền thần Trương Phúc Loan ủng lập Nguyễn Phúc Thuần, can rờ bạo ngược khiến cho lòng người ly tán, thời đó người ta gọi là “Trương Tần Cối”.

Tháng Hai năm Cảnh Hưng 34 (1773), anh em Nguyễn Văn Nhạc lấy danh nghĩa đánh dẹp Trương Phúc Loan chính thức khởi binh, tấn công chiếm thành Quy Nhơn, người Hoa là Tập Đình dẫn Trung nghĩa quân, Lý Tài dẫn Hòa nghĩa quân đi theo, chiếm Diên Khánh, Bình Khang các nơi, còn Quảng Nghĩa thì do chính anh em Tây Sơn chiếm được.

Khi đó ở triều vua Lê, quyền thần Trịnh Sâm lấy trộm quốc ấn dấu đi, phế lập thế tử, âm mưu soán đoạt nhưng còn sợ Quảng Nam giàu mạnh nên cho người vào dụ Nguyễn Văn Nhạc xâm chiếm Quảng Nam để mong ngư ông đắc lợi.⁽⁴⁾

Tháng Năm năm Cảnh Hưng 35 (1774), Trịnh Sâm muốn thừa cơ tấn công diệt họ Nguyễn ở Quảng Nam nên sai Hoàng Ngũ Phúc làm Thống tướng dẫn 3 vạn quân, thủy lục cùng tiến, bề ngoài nói rằng giúp đỡ cho họ Nguyễn ở Quảng Nam để cùng kháng cự Tây Sơn nhưng ban đêm lên vượt qua Sông Gianh, tiến vào lũy Trấn Ninh. Trịnh Sâm lại sợ Hoàng Ngũ Phúc chỉ đơn độc một đạo quân tiến vào, có điều bất trắc nên sai Nguyễn Đình Thạch ở lại giữ kinh đô Thăng Long, còn mình cũng tự đưa đại quân vào Nam. Tháng Một năm đó Trịnh Sâm vào đến Nghệ An, tháng Chạp vây hãm Phú Xuân.

Tháng Giêng năm Càn Long 40, tức Cảnh Hưng thứ 36 (1775), Nguyễn Phúc Thuần chạy đến Giá Tân (Bến Ván), lập Nguyễn Phúc Dương làm thế tử, xưng là Đông cung đóng ở Cầu Đê.

Tháng Hai, Nguyễn Văn Nhạc từ sông Thu Bồn tấn công Quảng Nam, đánh bại tướng đóng ở đó là Nguyễn Văn Do (阮文猶). Bộ tướng của Trịnh Sâm là Hoàng Ngũ Phúc cũng vượt đèo Hải Vân tấn công Quảng Nam, Nguyễn Văn Nhạc chia ra sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, chặn đánh Hoàng Ngũ Phúc ở Cẩm Sa, thế quân rất mạnh nhưng sau cũng bị đánh bại khiến Nguyễn Văn Nhạc phải lui về Bến Ván.

Nguyễn Phúc Thuận thấy quân của Trịnh Sâm ép vào biên cảnh nên cùng tộc điệt là Nguyễn Phúc Ánh đi thuyền chạy vào Gia Định,⁽⁵⁾ còn Đông cung Nguyễn Phúc Dương bị Nguyễn Văn Nhạc bắt được.

Nguyễn Văn Nhạc từ khi thua trận ở Cẩm Sa, đồ đảng càng ngày càng ly tán, mặt khác vì người Lưu thủ Long Hồ là Tống Phúc Hợp dẫn binh tiến đánh Phú Yên nên muốn giải trừ cảnh trước sau đều gặp địch uy hiếp, tháng Năm năm đó nhân khi Hoàng Ngũ Phúc tiến đến Châu Ô, Nguyễn Văn Nhạc liền sai thuộc tướng là Phan Văn Tuế đến xin hàng, Trịnh Sâm phong cho Nhạc làm Tiền phong tướng quân Tây Sơn hiệu trưởng.

Lúc đó ở Quảng Nghĩa đang có nạn dịch lớn, quân sĩ bị nhiễm bệnh chết rất nhiều nên tháng Một cùng năm, Hoàng Ngũ Phúc lui về giữ Phú Xuân, còn hai phủ Thăng Bình, Điện Bàn thì lại về tay Nguyễn Văn Nhạc.

Tháng Giêng năm Càn Long 41, tức Cảnh Hưng 37 (1776), Nguyễn Phúc Dương chạy trốn đến Gia Định nối dòng là Tân Chính Vương. Tháng Giêng năm sau, Nguyễn Văn Nhạc sai tướng là Đỗ Phúc Tuyền (杜福雋) đến xin với Trịnh Sâm cho mình được trấn thủ Quảng Nam, Trịnh Sâm cũng ngại chuyện dùng binh bèn cho Nguyễn Văn Nhạc làm Trấn thủ tuyên úy sứ Quảng Nam nên từ Phú Yên, Bình Thuận các nơi đều thuộc quyền Nguyễn Văn Nhạc.

Nguyễn Văn Nhạc rèn binh tích hướng, giữ những nơi hiểm yếu, thế không chế ngự được nữa. Tháng Ba năm Cảnh Hưng 38 (1777), Nguyễn Văn Huệ tiến quân vào Sài Gòn, Tân Chính Vương chạy sang Đàng Giang. Nguyễn Phúc Ánh chiêu tập quân Đông Sơn được 4.000 người đến tiếp viện nhưng không chống nổi phải đưa Tân Chính Vương chạy sang Cần Thơ, Long Xuyên. Tháng Bảy, Nguyễn Văn Huệ đánh Ba Việt, binh họ Nguyễn Quảng Nam thế ít không địch nổi nhiều, Tân Chính Vương bị hại. Nguyễn Phúc Ánh một mình đi thuyền chạy thoát, thế là chính quyền Quảng Nam bị diệt.

NGUYỄN VĂN HUỆ BA LẦN ĐÁNH THĂNG LONG VÀ TRIỀU LÊ DIỆT VONG

Nguyễn Phúc Ánh tên gốc là Noãn, lại có tên là Chủng sinh năm Càn Long 27, tức năm Cảnh Hưng 23 (1762), là con trai thứ ba của Hưng Tổ. Từ Diên Húc viết trong “Việt Nam thế hệ duyên cách lược” là “*Phúc Ánh tên gốc là Chủng, cha là con rể của vua Lê, được nối dòng tước vương đất Quảng Nam, hữu phụ chính họ Trịnh xem là trẻ tuổi nên đưa ra Thuận Hóa, về sau bí mật dùng Nguyễn Văn Huệ tấn công tiêu diệt đi. Họ Lê có thai, chạy sang đất Nông Nại, Chân Lạp vốn là cự đô của Thủy Chân Lạp, nay là tỉnh Gia Định, ở đó sinh ra được Phúc Ánh rồi lần trốn trong dân gian đến khi lớn lên thì chạy sang Xiêm La.*”⁽⁶⁾

Sau khi chính quyền Quảng Nam bị diệt vong, Nguyễn Phúc Ánh chiêu tập tàn quân, nhiều lần muốn khôi phục lại đất đai đã bị mất. Tháng Chạp năm Cảnh Hưng 38 (1777), Nguyễn Phúc Ánh tấn công lấy lại Sài Gòn. Tháng Giêng năm Cảnh Hưng 39 (1778), Ngoại hữu Chưởng doanh Phương quận công Đỗ Thanh Nhơn tôn Nguyễn Phúc Ánh lên làm Đại nguyên soái trông coi quốc chính. Tháng Ba năm đó, sai Đỗ Thanh Nhơn giữ Sài Gòn, Nguyễn Phúc Ánh tự mình đưa bọn Lê Văn Quân tiến đánh lấy lại Lật Giang, Ô Nguyên. Tháng Năm, thu phục Gia Định. Tháng Sáu, sai Cai cơ Lưu Phúc Trưng (劉福徵) sang Xiêm La giao hiếu.

Ngày 24 tháng Giêng năm Cảnh Hưng 41 (1780), Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vương ở Sài Gòn. Đỗ Thanh Nhơn ý mình lập được nhiều công lao, dưới tay có quân Đông Sơn nên làm nhiều điều càn rỡ. Tháng Ba năm Cảnh Hưng 42 (1781) bị giết.

Tháng Ba năm sau, anh em Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Đỗ Thanh Nhơn đã chết, người trong nhóm Đông Sơn lòng không an, các tướng còn lại không ai đáng sợ nữa nên đem mấy trăm chiến thuyền, dồn sức tấn công Sài Gòn. Người Pháp là Mạn Hòe chỉ huy thuyền Tây dương chiến đấu đến chết, Nguyễn Phúc Ánh chạy về Ba Giồng (Tam Phụ), một dải Sài Gòn nay lại thuộc quyền anh em Tây Sơn.

Nguyễn Phúc Ánh gửi gắm Nguyễn Hữu Thụy đi theo đường Chân Lạp sang Xiêm La cầu viện nhưng Chân Lạp vốn đã bí mật theo Tây Sơn, Nguyễn Hữu Thụy bị giết, Nguyễn Phúc Ánh phải chạy ra đảo Phú Quốc. Khi ấy, Nguyễn Phúc Ánh binh thưa tướng ít, còn Nguyễn Văn Nhạc binh uy thế thịnh nên đến tháng Tám năm đó mới tạo hoa vàng bạc, sai Cai cơ Lê Phúc Điền sang Xiêm La giao hảo, xin được viện trợ gấp.

Tháng Bảy năm Cảnh Hưng 44 (1783), Nguyễn Phúc Ánh sai người đi gọi giáo sĩ người Pháp là Bá Đa Lộc dẫn con trưởng Cảnh sang Pháp cầu viện. Tháng Hai năm Cảnh Hưng 45 (1784), Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm mượn binh về Gia Định nhưng Xiêm binh hoành hành bạo ngược, dân chúng oán thán, lại không rành địa thế nên tháng Chạp năm đó bị anh em Nguyễn Văn Huệ đánh bại, Nguyễn Phúc Ánh phải chạy trở về Xiêm La.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh khôi phục thế lực nhưng bị đánh bại rồi, ở Thăng Long triều Lê chính sự nội bộ bất ổn khiến cho họ Nguyễn Tây Sơn khai thác cơ hội. Năm Cảnh Hưng 41 (1780), Trịnh Sâm bắt giam con trưởng là Trịnh Khải, tháng Mười năm sau, cải lập con nhỏ Trịnh Cán làm thế tử. Tháng Chín năm Cảnh Hưng 43 (1782), Trịnh Sâm chết, Trịnh Cán nối dòng, Trần thủ Nghệ An Hoàng Đình Bảo chuyên quyền, Trịnh Cán tuổi nhỏ ốm đau luôn, lòng người lo lắng. Tháng Mười, quân tam phủ nổi loạn giết Hoàng Đình Bảo, suy tôn Trịnh Khải làm nguyên soái Đoan Nam Vương, Trịnh Cán bị phế. Tháng Một, Tiền cơ Nghệ An

là Nguyễn Hữu Chỉnh muốn nhân dịp kinh đô có loạn nên cùng trấn thủ Võ Tá Dao (武佐瑤) mưu chiếm lấy Nghệ An để tự lập, Võ Tá Dao do dự không quyết, Nguyễn Hữu Chỉnh vượt biển chạy vào Quy Nhơn đầu hàng Nguyễn Văn Nhạc.

Khi đó trong vùng đất nhà Lê đạo tặc nổi lên như ong, kỷ cương không còn gì nữa. Trịnh Khải muốn tôn phù vua Lê để thu phục nhân tâm nhưng lúc này kêu binh nắm giữ thực quyền của Lê triều, sĩ tốt quan lại xa cách, nay theo mai phản như trở bàn tay, quốc sự không còn gì nữa.

Nguyễn Văn Nhạc diệt được Quảng Nam rồi, thanh thế lên cao nên tiếm xưng là Thiên Vương, tự lập làm đế lấy năm Cảnh Hưng 39 (1778) làm năm Thái Đức nguyên niên. Tháng Năm năm Cảnh Hưng 47 (1786), Nguyễn Văn Nhạc phong cho em Nguyễn Văn Huệ làm Long Nhương tướng quân, tiết chế các quân thủy lục, thấy họ Trịnh chuyên quyền, lòng người không theo nên lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh, chia quân tiến ra thu phục Phú Xuân.

Đại quân họ Trịnh không có chí chiến đấu nên không đánh mà tan. Ngày 26 tháng Sáu, quân của Nguyễn Văn Huệ lần đầu ra chiếm kinh đô nhà Lê Thăng Long, Trịnh Khải tự vẫn chết. Ngày 17 tháng Bảy, An Nam quốc vương Lê Duy Chuyên qua đời, hoàng thái tôn là Lê Duy Kỳ lên nối ngôi, lấy năm sau làm năm Chiêu Thống nguyên niên. Ngày 29 tháng Bảy, Nguyễn Văn Nhạc vào thành Thăng Long. Ngày 17 tháng Tám, anh em họ Nguyễn đem binh quay về Quy Nhơn.

Tháng Tư năm Càn Long 52, tức Chiêu Thống nguyên niên (1787), Nguyễn Văn Nhạc tự xưng là Trung ương Hoàng đế ở Quy Nhơn, phong cho Nguyễn Văn Huệ làm Bắc Bình Vương, ở Phú Xuân, Nguyễn Văn Lữ làm Đông Định Vương, đóng ở Gia Định. Nguyễn Văn Huệ tiếng tăm càng lúc càng lớn nên Nguyễn Văn Nhạc có điều uý kỵ, hai anh em trở nên bất hòa, tàn sát lẫn nhau.

Tháng Một, Nguyễn Văn Huệ sai Vũ Văn Nhậm [trong sách viết là Sĩ (仕), tác giả chép theo sử nhà Nguyễn kiêng húy chữ Nhậm (任) - NDC] đem quân tiến đánh Thanh Hoa, Nguyễn Hữu Chỉnh đem hết quân của Lê thành được ba vạn người, đắp lũy ở phía bắc sông Thanh Quyết cố thủ, nhân vì không phòng bị nên Vũ Văn Nhậm đánh vào, Nguyễn Hữu Chỉnh phải chạy về kinh đô.

Tháng Chạp, Nguyễn Hữu Chỉnh thu thập tàn quân đưa Lê Duy Kỳ chạy lên Kinh Bắc. Vũ Văn Nhậm chiếm được kinh đô nhà Lê, bắt giết Nguyễn Hữu Chỉnh, cho binh ra cướp phá không còn nghe Nguyễn Văn Huệ ước thúc nữa.

Ngày mùng 6 tháng Tư năm Chiêu Thống 2 (1788), Nguyễn Văn Huệ tự mình đem binh chạy tới Thăng Long dùng mưu giết được Vũ Văn Nhậm, cho Ngô Văn Sở lên thay. Nguyễn Văn Huệ thấy lòng người miền Bắc chưa theo, Nguyễn Văn Nhạc lại có thể thừa cơ đánh ra, còn Nguyễn Phúc Ánh đang mưu đồ khôi

phục nên đặt Sùng Nhượng công Lê Duy Cận làm Giám quốc, để lại 8.000 quân giữ thành còn mình đích thân đem quân về Phú Xuân.

Bầy tôi cũ của nhà Lê là bọn Nguyễn Huy Túc hộ tổng quyền thuộc vua Lê chạy vượt cửa quan Thủy Khẩu thuộc Long Châu, tỉnh Quảng Tây chạy vào nội địa. Ngày mùng 1 tháng Bảy, Nguyễn Văn Huệ sai đầu mục châu Văn Uyên là Hoàng Đình Cầu mang biểu qua cửa quan xin tiến cống, trong biểu ký tên là Nguyễn Quang Bình. Thanh Cao Tông thấy họ Lê thân phục Trung Quốc rất là cung thuận, nay bị cường thần soán đoạt, không thể không ngó tới.

Ngày 28 tháng Mười, Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị, Đề đốc Hứa Thê Hanh đem đại quân mở cửa quan tiến xuống. Ngày 19 tháng Một, quân Thanh vượt qua sông Phú Lương, ngày 20 chiếm được Thăng Long.

Ngày 22, Tôn Sĩ Nghị vào trong thành truyền chỉ sách phong cho Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, thực hiện mục tiêu của “*hưng diệt kế tuyệt*” [làm hưng lên một họ đã bị diệt, nổi lại một dòng đã bị dứt].

Nguyễn Văn Huệ muốn giữ cho lòng người Nam Bắc không chia cách và uy vọng của mình đứng vững nên tự xưng đế ở Tân Sơn, đổi năm Thái Đức thứ 10 thành Quang Trung nguyên niên, sai người đưa thư đến Tôn Sĩ Nghị, nhún nhường xin hàng.

Tôn Sĩ Nghị từ khi ra khỏi quan, đến đâu thắng đó, không khỏi có bụng khinh địch, việc phòng bị đâm ra lơ là. Ngày mùng 2 tháng Giêng năm Chiêu Thống thứ 3 (1789), Nguyễn Văn Huệ đem quân tiến đánh Lê thành, người nhiều thế mạnh. Ngày mùng 5, Nguyễn Văn Huệ xua quân đánh tới, đem hơn 100 con voi đục làm mũi nhọn, ngựa của quân Thanh sợ hãi chạy tứ tán. Nguyễn Văn Huệ thừa thắng xông lên chém giết, Đề đốc Hứa Thê Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, Tham tướng Dương Hưng Long, Vương Tuyên, Anh Lâm, Thổ ty Sầm Nghi Đống chết trận, binh lính cũng thiệt hại mấy nghìn người, còn Tôn Sĩ Nghị chạy được về đến Trấn Nam Quan.

Ngày mùng 7 tháng Giêng, Lê Duy Kỳ lại gõ cửa quan xin vào nội địa. Nguyễn Văn Huệ tuy ba lần lấy được Thăng Long, đánh bại quân Thanh nhưng muốn dựng nước thì nhân tâm chưa quy phục, như muốn kêu gọi quốc dân, tập hợp võ về thì cần phải có phong hiệu của thiên triều, được triều đình nhà Thanh thừa nhận, có thế mới chính danh định phận để được một địa vị hợp pháp. Vì thế Nguyễn Văn Huệ bốn lần sai sứ dâng biểu xin hàng, trả về những quan binh bị bắt, lại đem những hung phạm giết hại đề trần [đề đốc, tổng binh] đem ra chém đầu thị chúng, khi đó Thanh đình mới thay đổi thái độ, chính thức sách phong Nguyễn Văn Huệ làm An Nam quốc vương.⁽⁷⁾ Như thế triều Hậu Lê từ Trang Tông Nguyên Hòa nguyên niên đến Mẫn Đế Chiêu Thống tam niên (1533-1789) là 16 đời, tính ra 257 năm.

NGUYỄN QUANG TOẢN NÓI NGÔI VÀ THÁI ĐỘ CỦA THANH ĐÌNH THAY ĐỔI

Sau khi Nguyễn Văn Huệ chính thức được nhà Thanh phong làm An Nam quốc vương, đến tháng Ba năm Càn Long 55 (1790) sai người mạo danh đến kinh đô chúc thọ và triều kiến. *Thanh sử cảo* nói là “kỳ thực Quang Bình sai em mạo danh đi thay, còn Quang Bình không dám tự mình đến”.⁽⁸⁾

Thế nhưng theo “Đại Nam thực lục” thì người mạo danh Nguyễn Văn Huệ là cháu tên là Phạm Công Trị, đại khái như sau: “*Tây tặc Nguyễn Văn Huệ sai người triều kiến nhà Thanh. Lúc đầu Huệ đánh bại Thanh binh, lại xưng tên là Nguyễn Quang Bình cầu phong nhà Thanh. Thanh đế bằng lòng nhưng đòi phải nhập cận. Huệ lấy cháu [gọi bằng cậu] là Phạm Công Trị có khuôn mặt giống mình, sai thay mặt đi, lại sai Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích cùng đi. Thanh đế thẹn vì thua trận, nên chấp nhận, ban thưởng cho thật hậu, Huệ lấy làm đắc chí, hết sức kiêu căng can rở*”.⁽⁹⁾

An Nam từ các đời Đinh, Lý, Trần, Lê đến nay đều nhận chính sóc Trung Quốc, đời đời triều cống chưa từng đưa người thay bao giờ. Cứ theo định lệ của Bộ Lễ đời Thanh, nước An Nam theo lệ ba năm một lần cống, sáu năm sai sứ một lần nhập triều, hợp hai lần cống làm một.

Theo lệ cống vật bao gồm: lò hương bằng vàng, bình hoa 4 chiếc tổng cộng nặng 209 lượng, vàng vụn 21 đỉnh, bồn bạc 12 cái tổng cộng nặng 691 lượng, bạc vụn 209 lượng, trầm hương 960 lượng, tốc hương 2.368 lượng. Cống phẩm theo lệ tính ra giá trị khoảng hơn 2.150 lượng bạc, còn Thanh đình thưởng và thưởng thêm cho An Nam quốc vương tính ra giá trị khoảng hơn 2.270 lượng, không kể đến theo lệ thưởng và thưởng thêm cho sứ thần An Nam cùng tùy hành nhân viên các loại vật kiện giá trị khoảng hơn 890 lượng bạc.⁽¹⁰⁾

Năm Càn Long 57 (1792), Nguyễn Văn Huệ dâng biểu xin không theo lệ tiến cống cũ, định lại thời hạn tuế cống và số lượng phương vật. Tháng Năm năm đó, quân cơ đại thần tuân chỉ hợp với Bộ Lễ rồi cùng tâu lên, định lại thành hai năm một lần tiến cống, bốn năm sai sứ sang một lần gộp hai lần cống, cống phẩm nay có giảm bớt đôi chút.⁽¹¹⁾

Trong thời gian Nguyễn Văn Huệ tại vị, giữ phận bầy tôi phụng sự Thanh đình rất cung kính chu đáo. Năm Càn Long 57, Nguyễn Văn Huệ chết. Ngụy Nguyên trong *Chinh vũ An Nam ký* và Từ Diên Húc trong *Việt Nam thế hệ duyên cách lược* đều chép là Nguyễn Văn Huệ chết vào tháng Ba năm đó.⁽¹²⁾

Cứ theo lời tâu của thự Tổng đốc Lưỡng Quảng Quách Thế Huân thì Nguyễn Văn Huệ chết vào tháng Chín năm đó, còn Tuần phủ Quảng Tây Trần Dụng Phu

tâu rằng Nguyễn Văn Huệ bị bệnh chết tại Nghệ An vào ngày 29 tháng Chín. *Đại Nam thực lục* viết là tháng Bảy.

Nguyễn Văn Huệ chết rồi, thế tử Nguyễn Quang Toàn lên nối ngôi. Nguyễn Quang Toàn còn có tên là Nguyễn Trát, năm đó mới 15 tuổi. Nguyễn Văn Huệ khi lâm chung đã dặn Nguyễn Quang Toàn là Phú Xuân không phải là nơi để giữ, Nghệ An liên hệ đến đất của tổ tiên, thế hiểm yếu dựa vào được, khi Nguyễn Văn Huệ ở Nghệ An đã xây thành quách kiên cố, lấy làm trung đô nên dặn con chuyển về ở Nghệ An để khi hoãn khi gấp có thể trông cậy.

Nguyễn Quang Toàn lên nối ngôi rồi đổi niên hiệu là Cảnh Thịnh. Sau khi Thanh Nhân Tông tức vị, Tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh giải bọn dương đạo An Nam là Nguyễn A Tinh khai rằng “*Quang Trung là cha của Cảnh Thịnh, Quang Trung bị bệnh chết nên do Cảnh Thịnh tiếp nối*”. Quang Trung là niên hiệu của Nguyễn Huệ, Cảnh Thịnh là niên hiệu của Nguyễn Quang Toàn nhưng vì Thanh đình không biết rõ nội tình An Nam nên Thanh Nhân Tông từng ra lệnh cho quân cơ đại thần viết thư hỏi Cát Khánh tra xét “*Quang Trung có phải là chi duệ của họ Lê không? Hay là niên hiệu của Nguyễn Nhạc khi chiếm cứ, vậy Cảnh Thịnh có phải là niên hiệu kế tiếp của con Nguyễn Nhạc không?*”⁽¹³⁾

Nguyễn Quang Toàn tập tước khi còn nhỏ, trong thì có quyền thần, ngoài thì có kẻ dòm dỏ, chúa thì trẻ người thì nghi ngại lẫn nhau nên Cao Tông cũng quan tâm lắm. Tháng Giêng năm Càn Long 58 (1793), theo tấu báo của đốc phủ là Nguyễn Văn Huệ bị bệnh chết, nhà vua đã thân chế một bài thơ phúng điệu, sai Niết ty Thành Lâm mang đến Nghệ An để đốt trước mộ Nguyễn Văn Huệ, lại thưởng cho một đại cáp đạt (大哈達)⁽¹⁴⁾ và trích công kho tỉnh Quảng Tây 3.000 lượng bạc sai Thành Lâm đem qua cấp cho.

Ngày mùng 8 tháng Tư, Thành Lâm đi đến Gia Quất thuộc An Nam, Nguyễn Quang Toàn dẫn văn võ bồi thần quỳ tiếp long đình. Ngày mùng 10, đến thành Thăng Long, truyền chỉ phong cho Nguyễn Quang Toàn làm An Nam quốc vương. Nguyễn Quang Toàn lên ngôi rồi duy trì quan hệ tốt với Thanh đình, chợ búa qua lại nên dân chúng ở biên giới được lợi nhiều. Lúc trước vì biên cảnh giáp với An Nam vào những năm cuối triều Lê không được yên ổn, Thanh đình cấm không cho hàng hóa từ nội địa bán sang An Nam nên đồ dùng của nhân dân khan hiếm.

Khi Nguyễn Văn Huệ thống nhất An Nam mới dâng biểu xin khai quan thông thị, nhà vua mới hạ chỉ mở các cửa quan Thủy Khẩu để buôn bán, lại ra lệnh cho Tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An lo liệu việc mở cửa buôn bán cho ổn thỏa. Theo lời nghị thì hai cửa Bình Nhi, Thủy Khẩu sẽ qua lại buôn bán, phía An Nam lập chợ ở phố Mực Mã thuộc trấn Cao Bằng, còn ải Do Thôn thì con buôn đi đến phố Kỳ Lừa thuộc Lạng Sơn lập chợ, chia ra hai hiệu Thái Hòa, Phong Thịnh, cho dân chúng Quảng Đông một tên, còn Quảng Tây và các xứ khác một tên.

Trong xưởng đặt một xưởng trưởng, một bảo hộ, trong chợ cũng đặt một thị trưởng, một giám đương và Phúc Khang An cũng gửi thư cho An Nam để hai bên cùng tuân hành. Ngày 15 tháng Giêng năm Càn Long 57 (1792), chính thức mở cửa thông thương, các loại hàng hóa xuất khẩu (từ Trung Hoa sang An Nam) phần nhiều là trà cau, trà thuốc hút, giấy tráp, chum vại, chén bát, vải vóc, phấn son, đường, dầu, trầu đoạn (vải thô), thuốc men các loại, còn tiến khẩu (từ An Nam vào Trung Hoa) thì là thổ sản như củ nâu (薯蓣), sa nhân, đại hồi, giao quyền (lụa sống), tre, gỗ theo lệ thì được miễn thuế.⁽¹⁵⁾ Ngoài ra trong những hóa vật trọng yếu từ nội địa sang An Nam còn có đồng, sắt, lưu hoàng, tiêu thạch, chảo sắt, rìu⁽¹⁶⁾ là những loại vật cấm theo luật thì không được chuyển qua.

Nguyễn Quang Toàn lên ngôi rồi tuân lệ thông thương mãi dịch nhưng con buôn xuất khẩu từ Bình Nhi Quan thì do đường thủy đến Hoa Sơn thuộc trấn Lạng Sơn, đường dài tính ra hơn 200 dặm mà các thôn trang gần Hoa Sơn thì trù mật có thể thêm nhiều loại hàng hóa nên con buôn thấy tiện lợi. Nguyễn Quang Toàn vì thế bẫm xin thiết lập các cửa hàng ở Hoa Sơn, kêu gọi các thương dân từ Bình Nhi đến.

Tháng Tám năm Càn Long 58 (1793), Tuần phủ Quảng Đông tạm quyền Tổng đốc Lương Quảng là Quách Thế Huân tâu lên được chuẩn thuận việc thiết lập thêm chợ ở Hoa Sơn, các thị trưởng, giám đương đều do người từ Kỳ Lừa phái đến.

Từ sau khi lên nối ngôi, việc thông thương buôn bán với Thanh triều của Nguyễn Quang Toàn liên tục không ngớt, có điều giặc biển hoành hành, gây rối duyên hải Trung Quốc nên quan hệ giữa hai nước càng lúc càng xấu đi. Nguyễn Quang Toàn vì cần tiền, quốc khố thiếu hụt nên để lo việc lương hướng cho quân đội đã sai thương thuyền ra biển cướp bóc, chiêu tập bọn vong mạng nội địa, cung cấp thuyền bè, ban cho tước vị để dẫn đường đến quấy nhiễu vùng duyên hải Mân Việt Giang Chiết (Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tô, Chiết Giang), cướp đoạt khách buôn khiến cho đường biển đi đến Đài Loan, Hạ Môn bị ngăn trở, thương thuyền chở gạo thóc cho quan quân tới Đài Loan bị cướp truy đuổi phải theo gió chạy về Thiên Tân, trở thành đại họa cho vấn đề hải cương.

Năm Càn Long 60 (1795), Tuần phủ Chiết Giang Cát Khánh tâu lên rằng huyện Bình Dương bắt được cướp biển Mậu A Đương (繆亞當), Hồ Á Mão (胡亞卯) hai người đều ở trên thuyền của đầu đảng cướp người An Nam Thát Quật (撻篇) cả.

Ngày mùng 6 tháng Chạp năm đó, thự Mân Chiết Tổng đốc Khôi Luân tâu rằng bắt được thuyền cướp trong đó có đạo phi An Nam dùng vải đỏ quần đầu đang hoành hành trên biển. Lúc đó Ngự sử Tống Chú (宋澍) cũng đã từng gửi triệp trong đó nói là thư nhà của Sái Tân (蔡新) gửi cho con là Sái Bản Tuấn (蔡本俊) đã thuật

lại là cướp biển ở tỉnh Mân (Phúc Kiến) cũng khai là có thuyền của An Nam, đến đầu cướp đó, qua lại không sợ hãi gì.

Gia Khánh sơ niên, sau khi vùng Chương Tuyền (漳泉) bị nạn lụt, dân nghèo không có việc làm nên ra biển làm ăn cướp rất đông, trong số có cả những người ăn mặc theo lối An Nam. Cướp biển nội địa (tức người Trung Hoa) phần lớn dùng đất Giang Bình, Bạch Long Vĩ^(*) của An Nam làm nơi tụ tập. Cứ như bọn dương đạo mà thợ Tổng đốc Lương Quảng Chu Khuê bắt được là Lương Tuyên Xán (梁宣燦) cung xưng thì giặc biển phần lớn ăn cướp và đầu tang vật ở An Nam. Khôi Luân cũng tâu rằng bắt được bọn cướp La A Nghĩa (羅阿義) cũng khai rằng **trên thuyền nào cũng có bọn cướp nội địa vài đứa ăn mặc theo lối “ngoại di”, giả làm người An Nam để dọa nạt khách buôn.**^(**)

Kẻ có mang ấn tiêu (giấy tờ có đóng dấu chính thức) do đầu sở là Vương Tín Chương (王信章) cấp làm bằng để được quyền đi ra ngoại dương. Vương Tín Chương vốn là người Quảng Đông đã từng ở nước ngoài lâu năm, thuyền cướp cùng bọn có 6 chiếc, lại có bọn khác số thuyền đến hơn 20 chiếc.

Dương đạo cầm ấn tiêu trong đó có “ngụy hiệu”, lại cũng có hàng chữ “*mua hàng từ Thăng Long đem về Phú Xuân*”. Khôi Luân (Tổng đốc Mân Chiết) cũng bắt được bọn đạo phạm tỉnh Việt [Quảng Đông] là Trần A Trừng (陳阿澄) trong đó một tên là Phạm Quang Hỷ (范光喜) có chức Tổng binh của An Nam.

Ngoài ra cứ theo lời cung xưng của La Á Tam (羅亞三) thì tàu ô An Nam có 12 tổng binh, thuyền hơn 100 chiếc, đều được phong hiệu của quốc vương An Nam, việc ra biển đánh cướp không phải là Nguyễn Quang Toàn không biết. Theo *Thanh sử cảo* viết về quan binh ở tỉnh Chiết đánh dẹp cướp biển thì nhân mưa to gió lớn, trong mưa có lửa xẹt vào đốt thuyền giặc gây ra thiệt hại, Tham tướng Lý Thành Long (李成隆) dẫn binh vượt nước thu đoạt súng lớn, bắt được sắc văn của An Nam và ấn đồng tổng binh bốn cái. Trong sắc văn có hàng chữ “*sai tào đội đại thống binh Tiến Lộc hầu Luân Quý Lợi*” (差艘隊大統兵進祿候倫貴利). Luân Quý Lợi là người Trùng Hải, Quảng Đông chạy sang theo An Nam từng đánh nhau với Cự Nguyễn (chúa Nguyễn Ánh) lập công lao, được phong hiệu. Đội thuyền của An Nam gồm 76 thuyền, chia ra ba nhánh tiền-trung-hậu, Luân Quý Lợi chỉ huy hậu chi. Bốn chiếc ấn đồng đó, Luân Quý Lợi đeo một chiếc, còn ba chiếc ấn kia do ba tổng binh dưới quyền y giữ.

Tỉnh Mân bắt được tổng binh thuyền giặc An Nam là Phạm Quang Hỷ, y từng khai rằng Nguyễn Văn Huệ thay họ Lê, sau khi Nguyễn Văn Huệ chết, truyền cho

* Chú của người dịch: Đây là một khu vực ở đông bắc nước ta, đã bị nhường cho Trung Hoa khi người Pháp ký hiệp ước Thiên Tân.

** Nguyên văn: 據供每船俱有內地盜匪數人穿著[外夷]服飾，扮作安南人，恐嚇商旅 (tr. 243).

con là Quang Toàn, lúc đó giao tranh cùng Cựu Nguyễn nhưng lại không cấp quân phí nên phải sai đội tàu ra ngoài biển cướp bóc.

Ngày mùng 3 tháng Tám năm Gia Khánh nguyên niên (1796), quân cơ đại thần Hòa Thân gửi thư cho Khôi Luân ra lệnh gửi thư cho An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toàn, báo cho biết rằng “... hiện đã bắt được trên biển vùng Mân Việt thuyền lớn của bọn giặc bẻ phần nhiều ăn mặc theo lối người di, bên trong cũng có phi đồ nội địa giả làm người di. Lại cũng bắt được đạo phi có mang ấn tiêu [giấy tờ có đóng dấu] có các địa danh Thăng Long, Phú Xuân và ấn ký An Nam, ấy là phi đồ của quý quốc thông đồng cướp phá đã có chứng cứ xác thực.

Nghĩ đến quốc vương vốn được tắm gội trọng ân của đại hoàng đế nên nếu như tâu lên tất cả như thế e rằng quốc vương có điều chưa tiện, thành thử tạm hoãn báo cáo. Thế nhưng dương phi của quý quốc không chỉ cướp phá tại biển Việt [biển Quảng Đông] lại còn tới tận biển tỉnh Mân [Phúc Kiến], nếu quốc vương không nghiêm nghị cấm đoán, ắt là tình hình càng lúc càng bùng lên, lúc đó không thể không cử thực tâu lên.

Tổng đốc tiền nhiệm họ Chu chỉ vì không lòng bắt đầy đủ biện lý cướp biển không có khả năng khiến cho hoàng đế giáng chỉ ra lệnh hồi kinh trị tội, đặc mệnh bản bộ đường Cát [Khánh] tiếp nhiệm Tổng đốc Lưỡng Quảng, cùng bản bộ đường Khôi [Luân] cùng chung truy nã. Bọn bản bộ đường đều là đại thần người Mãn Châu, tiền quốc vương [tức vua Quang Trung] khi nhập cận đã từng gặp nhau ở kinh đô, [có tình] cùng đến triều đình nên mới gửi thư trước để cho quốc vương tra xét rõ ràng tìm cách giải quyết. Chắc hẳn bọn phi đồ này xông vào mặt biển nội địa đánh cướp, lại cầm ấn tiêu, quốc vương chưa chắc đã biết mà là ở các trấn mục quý quốc không biết quản thúc chặt chẽ nên mới xảy ra cơ sự.

Thế nhưng cha con quốc vương hai đời nhận được ơn thiên tử, thật là sâu đậm, ắt hẳn càng tăng thêm việc tra xét cho nghiêm ngặt, sức cho trấn mục hiệp lực truy bắt cho kỳ được tên đầu sỏ cùng nơi chúng ẩn náu, trừng phạt đích đáng để cho bọn đạo phi nghe tin trốn biệt, có thể mới không phụ ơn cao dày thiên triều ban cho, nội địa và quý quốc đường biển thông nhau, mặt biển đều đã định giới.

Từ nay về sau, giặc biển từ nơi quý quốc nếu như lại sang cướp phá ở mặt biển của nội địa, nếu như bắt được ắt sẽ lập tức chính hình [chém đầu] thế ấy không phải là không báo trước. Huống chi quốc vương kế vị được phong làm phen giậu, đại hoàng đế cũng thêm ân quuyến, so với phong cương đại thần [đại thần được giao cho một khu đất, chỉ chức vụ tổng đốc] thật chẳng khác gì, bách tính của quý quốc cũng như con dân thiên tử, gặp cảnh kẻ ác như thế này thì cũng không phân bờ cõi, đều trừng trị giải quyết. Còn như đạo phi nội địa nếu ở tại mặt biển quý quốc cướp bóc, quý quốc cũng hãy bắt giữ, lập tức chính pháp chẳng cần phải giải tống đến nội địa để khỏi sơ xuất trốn thoát.

Như thế hai bên hồ tương lòng bắt, đường biển có thể thông suốt, quốc vương cũng được hưởng ân quyến dồi dào ...”⁽¹⁷⁾

Khôi Luân cùng Cát Khánh thay đổi gửi thư cho Nguyễn Quang Toàn tra bắt, lại đem ấn tiêu tìm thấy gửi giao cho Nguyễn Quang Toàn đọc, hỏi rằng ấn tiêu đó do ai cấp, ai là người được giao để trả lời cho rõ.

Ngày 14 tháng Giêng năm Gia Khánh thứ 2, Cát Khánh nhận được hai văn thư của quốc vương An Nam Nguyễn Quang Toàn, nói rằng đã sai người ra sức tìm bắt, lại nói rằng các ấn tiêu thu được là của “*bọn đầu sỏ giặc các vùng Đồng Nai, Trấn Ninh ngụ xưng là Gia Hưng Vương, Chiêu Quang Vương cấp cho hải khấu để chúng làm vây cánh, rồi đưa ấn tiêu giả ra để giả họa tiếng xấu*”.

Nguyễn Quang Toàn sai Đinh Công Tuyết (丁公雪) đem binh thuyền tuần tra mặt biển, bắt giết rất nhiều. Ngày 24 tháng Ba năm Gia Khánh 2, Tri phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông là Trương Tăng (張增) bẩm rằng Đinh Công Tuyết giải đến bọn đạo phạm Hoàng Trụ (黃柱) 63 người và 2 chiếc thuyền, lại phá hủy hơn 100 nhà cửa của bọn cướp ở Giang Bình. Ngày 26 tháng Ba, Đinh Công Tuyết giải giao bọn cướp ở Thiên Nam Kiều cho Trương Tăng thu nhận.⁽¹⁸⁾

Ngày mùng 1 tháng Năm, Thanh đình gửi lại sắc dụ trả lời Nguyễn Quang Toàn hãy sức cho thuộc hạ biên viên nỗ lực tuần phòng, làm sạch giặc biển, an lòng thương nhân và hải cương yên tĩnh.

Càn Long mạt niên và Gia Khánh sơ niên, Bạch Liên Giáo và Thiên Địa Hội liên tiếp nổi dậy, các vụ án lớp này lớp khác không dứt. Tháng Bảy năm Càn Long 52 (1787), người của Thiên Địa Hội là Hà Hỷ Văn (何喜文) đem binh thuyền chạy sang đầu phục An Nam, cha con họ Nguyễn liền thu nhận dung chứa cho đăng Thiên Địa Hội.

Càn Long 53 (1788), quân Thanh bình định loạn Lâm Sảng Văn (林爽文) ở Đài Loan rồi, vấn đề trị an dọc theo bờ biển đông nam càng lúc càng xấu đi mỗi lúc một rõ, phía tây Quảng Đông bên cạnh biển của An Nam thì hải phi hoạt động càng thêm can rở, Thanh đình đã sớm nghi rằng giặc bể có cấu kết với Nguyễn Quang Bình.⁽¹⁹⁾

Nguyễn Quang Toàn đánh với Nguyễn Phúc Ánh mấy lần không thắng, dân nội địa lần trốn ở An Nam lục tục ra đầu thú. Tháng Tám năm Gia Khánh 4 (1799), Cát Khánh tâu rằng dân người Đán ở Quảng Đông là Phương Duy Phú (方維富) đem theo đồng bọn Lương Văn Khoa (梁文科) 18 người từ An Nam đầu xuất.

Tháng Mười năm Gia Khánh 8 (1801), theo Tri phủ Liêm Châu, Quảng Đông là Thường Cách (常格) bẩm lên rằng đầu đảng cướp là Trần Thiêm Bảo (陳添保) đem theo đồng bọn đàn ông đàn bà đến Khâm Châu đầu thú, Cát Khánh lập tức sức lệnh đem bọn Trần Thiêm Bảo giải lên tỉnh thẩm vấn.

Theo lời khai thì Trần Thiêm Bảo vốn người huyện Tân Hội tỉnh Quảng Đông đi đánh cá bị bão trôi dạt sang An Nam năm Càn Long 48 (1783) bị Nguyễn Văn Huệ bắt được, phong cho chức tổng binh. Trần Thiêm Bảo có trình ra một quả ấn đồng của An Nam và 4 tờ sắc thư, đều là tên quan thuộc An Nam.

Ngày 14 tháng Một, trong thượng dụ gửi xuống có nói là lâu nay cướp biển quấy rối, đều do An Nam chứa chấp mà ra. Khi Nguyễn Văn Huệ còn sống đã từng bắt giữ nhân dân nội địa, gia phong ngục hiệu rồi ra lệnh cho ra biển ăn cướp, thật là táng tâm coi rẻ đạo lý, không còn là con người.

Còn như trong sắc thư của An Nam có viết “*coi thiên hạ như một nhà, coi bốn biển như một người*” thì Nhân Tông trách mắng là “Dạ Lang tự đại”. Nhân Tông lại dụ rằng “*nếu xét những lời lẽ cuồng vọng ấy, đáng ra phải kể tội đem quân đánh dẹp, thế nhưng nước đó hiện nay đang cùng với Đồng Nai giao binh, ta cũng không nên thừa lúc họ nguy cấp mà chinh phạt, tính toán lẽ trời thì nước kia diệt vong chỉ trong sớm tối nên cũng không cần phải dùng văn mà dạy bảo, chẳng cần phải viết thư cho họ làm gì*”.

Cha con Nguyễn Quang Toàn được Thanh đình sách phong làm An Nam quốc vương, thân nhận ơn lớn, vậy mà sai đạo phỉ ra biển ăn cướp khiến cho thái độ của nhà Thanh thay đổi nên khi Nguyễn Phúc Ánh mượn được sức từ bên ngoài đại cử bắc phạt, chính quyền Nguyễn Quang Toàn lâm vào cảnh tan rã thì Thanh triều lại hạnh tai lạc họa không hề ngó tới, không còn để ý đạo lý tự tiêu tồn vong, hưng diệt kẻ tuyệt, trông thấy triều cống thuộc quốc đồ mà không cứu.

(Còn tiếp)

NDC dịch

CHÚ THÍCH

- (1) Tân Nguyễn chỉ Tây Sơn, Cựu Nguyễn chỉ vương triều chúa Nguyễn và sau này.
- (2) Nham Thôn Thành Doãn (bản dịch Hứa Vân Tiêu). *An Nam thông sử* (Tân Gia Ba: Tinh châu thế giới thư cục, 11/1957) tr. 167.
- (3) Hạo Nhĩ (D.G. E. Hall) (bản dịch Lê Đông Phương). *Đông Nam Á thông sử* (A History of South-East Asia) (Đài Bắc: Trung Hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp ủy viên hội, 5/1966).
- (4) Ngụy Nguyên. *Thánh võ ký* (Đài Bắc: Thế giới thư cục, 6/1970) Quyển V, trang 186.
- (5) Có thuyết nói rằng Nguyễn Phúc Thuần thấy quân Trịnh vào Quảng Nam nên đi thuyền chạy vào Gia Định, bị bão lật thuyền chết. Xem *An Nam thông sử*, trang 173.
- (6) Từ Diên Húc: *Việt Nam thế hệ duyên cách lược*, xem Tiểu Phương Hồ Trai dư địa tùng sao (Đài Bắc: Quảng văn thư cục, quyển 10) trang 86. Chú riêng của người dịch: Những chi tiết trên đây hoàn toàn sai với sử nước ta.
- (7) Trang Cát Phát: “Thanh Cao Tông sách phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình thủy mặt”. *Cổ cung văn hiến quý san*, đệ Nhị quyển, đệ Tam kỳ (Đài Bắc: Quốc lập cổ cung bác vật viện, 6/1971) tr. 15.

- (8) *Thanh sửảo* (Hương Cảng văn học nghiên cứu xã), “Việt Nam truyện”, tr. 1654.
- (9) *Đại Nam thực lục* (Nhật Bản: Hữu Lân Đường, 3 - Chiêu Hòa 36) quyển IV, tr. 33, tháng 3 năm Canh Tuất 11.
- (10) *An Nam đấng* (Đài Bắc: Quốc lập cổ cung bác vật viện) Gia Khánh nguyên niên, ngày mồng 7 tháng Giêng.
- (11) *Văn hiến từng biên* (Đài Bắc: Trung ương Nghiên cứu viện lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở, Dân Quốc năm 47) Canh biên, đệ Tam bản, tr. 203, ngày mồng 2 tháng Ba Càn Long 57. Bản sao tấu triệp của Quách Thế Huân.
- (12) *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa từng sao*, quyển 10, tr. 85-120.
- (13) *Thanh Nhân Tông Duệ Hoàng Đế thực lục*, quyển 13, tr. 16 (ngày Mậu Thìn tháng Giêng Gia Khánh nhị niên).
- (14) Khăn dài của Phật giáo Tây Tạng, gửi đến tang gia để chia buồn và thương tiếc. Xem Trịnh Kim Đức: *Đại Tây Tạng văn hóa tuần lễ* (Đài Bắc: Văn long, 2003) tr. 415-6.
- (15) *Minh Thanh sử liệu* (Đài Bắc: Trung ương Nghiên cứu viện lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở, 4/1958) Canh biên, đệ Tam bản, tr. 203. Ngày 2 tháng 3 năm Càn Long 57, tấu triệp của Quách Thế Huân.
- (16) Cung Kỳ Thị Định. *Á Tế Á sử nghiên cứu*. (Nhật Bản: Đồng Minh Xá, tháng Ba Chiêu Hòa năm 49) đệ Nhị sách, tr. 514.
- (17) *An Nam đấng*, Gia Khánh nguyên niên ngày mồng 3 tháng Tám, ký tín thượng dụ.
- (18) *Cung trung đấng*, Đài Bắc: Quốc lập cổ cung bác vật viện, hòm 2706, bao 16, hiệu 2368 Gia Khánh nhị niên, 24 tháng Tư, tấu triệp của Trương Thành Cơ.
- (19) Sơn Bản Đạt Lang: *Việt Nam Trung Quốc quan hệ sử* (Đông Kinh: Sơn xuyên xuất bản xã, 12/1975) chương 7, tiết 8 “Thanh Nguyễn lưỡng triều quan hệ chi thành lập”, tr. 457.